

Số : 142/HD-CĐN

Phú Yên, ngày 26 tháng 12 năm 2013

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO SƠ KẾT HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2013 – 2014

Kính gửi:

- CĐGD các Huyện, Thành phố, Thị xã;
- CĐCS trực thuộc.

Để chuẩn bị cho công tác sơ kết hoạt động công đoàn học kỳ 1 năm học 2013-2014, Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh đề nghị các cấp công đoàn báo cáo sơ kết hoạt động công đoàn học kỳ 1 năm học 2013-2014 theo các nội dung sau:

I. NỘI DUNG BÁO CÁO:

1.1. Báo cáo số liệu

- Tổng số CBCC:.....; nữ.....; tăng.....; giảm.....
- Tổng số CĐCS:.....; tăng.....; giảm.....
- Tổng số ĐVCD:.....; nữ.....
- Tổng số Đảng viên kết nạp trong học kỳ 1:.....; nữ.....
- Tổng số Đoàn viên kết nạp trong học kỳ 1:.....; nữ.....

1.2. Đánh giá phong trào cán bộ, công chức, viên chức trong học kỳ.

- Đặc điểm tình hình của đơn vị.
- Tình hình CBCC, VC: đời sống, thu nhập, việc thực hiện chế độ chính sách, tư tưởng, tâm trạng của CBCC, VC

II. Kết quả hoạt động của công đoàn tập trung vào các chương trình trọng tâm sau:

1. Chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, nhà giáo và người lao động trong ngành.

1.1. Chăm lo đời sống NG-NLD

- Về phối hợp với chính quyền đồng cấp kiểm tra giám sát và kiến nghị những chính sách hiện hành đối với nhà giáo và lao động được thực hiện đúng, đủ và kịp thời, số lần kiểm tra, hình thức kiểm tra, nội dung kiểm tra, kết quả cụ thể.

- Công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại đơn vị.
- Hoạt động chăm lo và tự chăm lo đời sống cán bộ, giáo viên nêu: các hình thức và số lần cụ thể...

- Các chế độ chính sách của địa phương, đơn vị đang thực hiện.

- Tình hình thực hiện chế độ chính sách của nhà giáo, lao động những thuận lợi, khó khăn.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhà giáo, lao động đang công tác ở vùng xa, vùng khó khăn.

- Những hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, thân thể, quyền lợi hợp pháp của nhà giáo và lao động trong ngành, cách xử lý của các cơ quan chức năng, vai trò của tổ chức công đoàn trong cách giải quyết.

1.2. Đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của NG-NLD

1.3. Công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động trong các đơn vị

- Công tác kiểm tra Bảo hộ lao động và An toàn vệ sinh lao động trong các đơn vị.

1.4. Hoạt động xã hội.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đội ngũ NG-NLĐ về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết, chủ trương công tác công đoàn, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, góp phần đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam

2.1. Công tác tuyên truyền giáo dục, quán triệt Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước và triển khai nhiệm vụ năm học

2.2. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục góp phần đổi mới căn bản, toàn diện nền Giáo dục Việt Nam

3. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động mang tính xã hội rộng lớn trong đội ngũ NG-NLĐ, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển giáo dục.

Nêu các hình thức và biện pháp thực hiện và triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của ngành (vai trò của Công đoàn), kết quả

4. Đổi mới nội dung phương pháp hoạt động công đoàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hiệu quả hoạt động của CĐGD các cấp, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, tích cực tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Công tác củng cố, ổn định hệ thống công đoàn các cấp, sinh hoạt tổ công đoàn, CĐCS.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động của cán bộ công đoàn các cấp.

- Tổ chức phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, tham gia xây dựng Đảng, kế hoạch bồi dưỡng đoàn viên ưu tú, giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp.

- Phát huy quy chế dân chủ, tổ chức Hội nghị CBCC, Đại hội CNVC

- Vai trò của công đoàn trong lĩnh vực tham gia quản lý, đơn vị, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân trường học.

- Xây dựng quy chế phối hợp với chuyên môn

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cho học kỳ, cả năm học

5. Công tác kiểm tra

6. Công tác tài chính công đoàn

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Nêu những thành tích nổi bật của đơn vị

- Những tồn tại, khuyết điểm trong quá trình thực hiện

- Những khó khăn bất cập hiện chưa giải quyết.

- Những kiến nghị với: Đảng, Nhà nước, Công đoàn cấp trên

IV. TỰ NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI:

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Nhận được kế hoạch này, đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện và báo cáo theo đúng nội dung yêu cầu trên (b/c ngắn gọn, số liệu chính xác).

- Báo cáo gửi về Văn phòng Công đoàn Giáo dục tỉnh Phú Yên chậm nhất là ngày 10/01/2014 để tổng hợp báo cáo công đoàn cấp trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP.



Phạm Văn Thịnh

ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO SỐ LIỆU

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Tỷ lệ | Ghi chú |
|--|---|-------------|----------|-------|---------|
| I. Về tổ chức, cán bộ | | | | | |
| 1. Số lượng đơn vị | | | | | |
| 1 | - Tổng số đơn vị | đơn vị | | | |
| 2 | - Trong đó: đơn vị MNon Tư thực | đơn vị | | | |
| 2. Số lượng nhà giáo – lao động: | | | | | |
| 3 | - Tổng số NG-LĐ | người | | | |
| 4 | Trong đó: + Số nữ NG-LĐ đơn vị công lập | người | | | |
| 5 | + Số nữ NG-LĐ đơn vị ngoài công lập | người | | | |
| 3. Số lượng đoàn viên CĐ | | | | | |
| 6 | - Tổng số đoàn viên CĐ | người | | | |
| 7 | + Trong đó: Nữ | người | | | |
| 8 | + Đoàn viên CĐ các đơn vị công lập | người | | | |
| 9 | + Đoàn viên CĐ các đơn vị ngoài công lập | người | | | |
| 10 | - Số đoàn viên CĐ được kết nạp trong học kỳ I | người | | | |
| 11 | - Tổng số Đảng viên | người | | | |
| 12 | Trong đó: Nữ | người | | | |
| 13 | - Số Đảng viên được kết nạp trong học kỳ I | người | | | |
| 4. Tổ chức Công đoàn | | | | | |
| 14 | - Tổng số CĐ cơ sở | đơn vị | | | |
| 15 | Trong đó: + CĐ các đơn vị công lập | đơn vị | | | |
| 16 | - Số CĐ cơ sở mới thành lập trong năm học | đơn vị | | | |
| 5. Số cán bộ CĐ chuyên trách | | | | | |
| 17 | - Tổng số | người | | | |
| 18 | Trong đó: + Nữ | người | | | |
| 6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng trong học kỳ I | | | | | |
| 19 | - Đào tạo: + Đại học | người | | | |
| 20 | + Cao đẳng | người | | | |
| 21 | + Trên đại học | người | | | |
| 22 | + Tin học, ngoại ngữ (tính bằng A trở lên) | người | | | |
| 23 | - Nghiệp vụ công đoàn | người | | | |
| 24 | - Lý luận chính trị | người | | | |
| 25 | Trong đó: + Cao cấp | người | | | |
| 26 | + Trung cấp | người | | | |
| 27 | Quản lý giáo dục | người | | | |
| 28 | Trong đó: + Cử nhân quản lý | người | | | |
| 29 | + Bồi dưỡng kiến thức quản lý | người | | | |
| 30 | Tổng số tổ CĐ: | | | | |
| 31 | Trong đó: - Tổ CĐVM | đơn vị | | | |
| 32 | - Tổ CĐ VMXS | đơn vị | | | |
| II. Tình hình việc làm, tiền lương | | | | | |
| 1. Về việc làm | | | | | |

| | | | | | |
|----|--|-----------------|--|--|--|
| 33 | - Số lao động thiếu (hoặc không có việc làm) | người | | | |
| 34 | + Tỷ lệ % so với số NG-LĐ | % | | | |
| | 2. Về tiền lương | | | | |
| 35 | - Tiền lương bình quân tháng | 1000đ/th | | | |
| 36 | + Số người được tính | người | | | |
| 37 | - Mức lương cao nhất | 1000đ/th | | | |
| 38 | - Mức lương thấp nhất | 1000đ/th | | | |
| | 3. Ký hợp đồng lao động | | | | |
| 39 | - Số LĐ được ký HĐLĐ không xác định thời hạn | người | | | |
| 40 | + Tỷ lệ % so với tổng số NG-LĐ | % | | | |
| 41 | - Số LĐ được ký HĐLĐ có thời hạn 1- 3 năm | người | | | |
| 42 | + Tỷ lệ % so với tổng số NG-LĐ | % | | | |
| | 4. Đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp | | | | |
| 43 | - Số người đã đóng BHXH | người | | | |
| 44 | + Tỷ lệ % so với tổng số NG-LĐ | % | | | |
| 45 | - Số người đã đóng BHYT | người | | | |
| 46 | + Tỷ lệ % so với tổng số NG-LĐ | % | | | |
| 47 | - Số người đã đóng BH thất nghiệp | người | | | |
| 48 | + Tỷ lệ % so với tổng số NG-LĐ | % | | | |
| | 5. Thực hiện quy chế dân chủ | | | | |
| 49 | - Số đơn vị mở Hội nghị CBCC | đơn vị | | | |
| 50 | + Đạt tỷ lệ % so với đơn vị phải thực hiện | % | | | |
| 51 | - Số đơn vị tổ chức Hội nghị người lao động | đơn vị | | | |
| 52 | + Đạt tỷ lệ % so với đơn vị phải thực hiện | % | | | |
| | 1. Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài khoa học | SK, ĐTKH | | | |
| 53 | - Đăng ký thực hiện | SK, ĐTKH | | | |
| 54 | - Đã hoàn thành | SK, ĐTKH | | | |
| 55 | 2. Công trình sản phẩm thi đua | | | | |
| 56 | - Số công trình, sản phẩm | CT, SP | | | |
| 57 | 3. Đăng ký danh hiệu thi đua năm học 2011-2012 | | | | |
| 58 | - Tổng số đăng ký DHLĐTT | Người | | | |
| 59 | - Chiến sĩ thi đua các cấp: | người | | | |
| 60 | + CSTĐ cơ sở | người | | | |
| 61 | + CSTĐ Tỉnh | người | | | |
| | 4. Danh hiệu nữ | | | | |
| 62 | - Danh hiệu GVT-ĐVN | người | | | |
| 63 | - Số người sinh con thứ 3 | người | | | |
| | 1. Công tác đền ơn, đáp nghĩa và quyên góp ủng hộ | | | | |
| 64 | - Số Bà mẹ VN anh hùng đang phụng dưỡng | người | | | |
| 65 | - Quỹ máu âm công đoàn | 1000đ | | | |
| 66 | - Quỹ đền ơn đáp nghĩa | 1000đ | | | |
| 67 | - Quỹ vì người nghèo | 1000đ | | | |
| 68 | - Quỹ phụ nữ nghèo cấp huyện | 1000đ | | | |
| 69 | - Quỹ khuyến học | 1000đ | | | |

| | | | | | |
|---|---------------------------------------|--------|--|--|--|
| 70 | - Quỹ tương trợ nội bộ | 1000đ | | | |
| 71 | - Các loại quỹ khác | 1000đ | | | |
| V . Kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách, bảo vệ NG-LĐ | | | | | |
| 1. Công tác kiểm tra BHLĐ | | | | | |
| 72 | - Số cơ sở được kiểm tra | đơn vị | | | |
| 73 | - Trong đó: Kiểm tra phối hợp | lần | | | |
| 2. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ đối với nữ NG-LĐ | | | | | |
| 74 | - Tổng số cuộc kiểm tra | cuộc | | | |
| 75 | - Trong đó: Kiểm tra phối hợp | cuộc | | | |
| 3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo | | | | | |
| 76 | - Số lượt người đến khiếu nại, tố cáo | người | | | |
| 77 | - Số đơn khiếu nại, tố cáo gửi đến | đơn | | | |
| 78 | + Trong đó: Thuộc thẩm quyền CĐ | đơn | | | |
| 79 | - Số đơn đã được giải quyết | đơn | | | |
| 80 | + Trong đó thuộc thẩm quyền CĐ | đơn | | | |
| 4. Kiểm tra tài chính CĐ | | | | | |
| 81 | - Số lần kiểm tra | lần | | | |
| 82 | + Trong đó: Kiểm tra đồng cấp | lần | | | |
| 83 | - Tổng số truy thu | 1000đ | | | |

Ngày tháng năm 2013